

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2022
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phụng
2. Bà Đào Thị Thu Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 506/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐ-ST ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 37, tổ 01, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Huỳnh Thị T trình bày: chị quen biết và chung sống với anh Nguyễn Văn Q vào năm 2015, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định; chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, anh Q thường xuyên gây sự, đánh đập chị, bất đồng quan điểm, hay cự cãi, tính tình không hợp, không còn sống chung khoảng 01 năm nay. Nay thấy tình cảm không còn, chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thúy L, sinh ngày 01/5/2016, khi vợ chồng ly thân sống cùng chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc, con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Bản sao Giấy khai sinh 02 con chung; Tờ tự khai và đơn khởi kiện ngày của chị Huỳnh Thị T ngày 05/7/2021;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải để động viên các bên có thể giải quyết các bất đồng quan điểm, hàn gắn đoàn tụ với nhau nhưng cả hai lần bị đơn đều vắng mặt; phía nguyên đơn đều xác định chị chung sống với anh Q từ năm 2015, có 01 con chung nhưng không đăng ký kết hôn kết hôn theo quy định; anh, chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân cho đến nay.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Q; anh Q vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: chị T quen biết và chung sống với anh Q từ năm 2015, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định; chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, anh Q thường xuyên vô cớ kiểm chuyện, đánh đập chị, bất đồng quan điểm, hay cự cãi, tính tình không hợp, không còn sống chung khoảng 01 năm nay. Nay thấy tình cảm không còn, chị xin ly hôn với anh Q. Xét thấy, do chị T, anh Q không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận chị T, anh Q là vợ chồng.

+ Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thúy L, sinh ngày 01/5/2016 hiện đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Đánh giá từ khi chị T, anh Q ly thân cháu L sống với chị T vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần; nên cần ổn định cuộc sống của cháu, tiếp tục giao cháu cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập.

+ *Về tài sản và nợ chung*: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Không công nhận chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn Q là vợ chồng;
- Giao chị Huỳnh Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thúy L đến tuổi trưởng thành, có khả năng lao động. Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, vợ chồng có 01 con chung chưa thành niên được xác định là quan hệ tranh chấp về “*Ly hôn, nuôi con chung*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: bị đơn Nguyễn Văn Q, nơi cư trú tại xã K, huyện C, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện C, tỉnh An Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất được mở vào ngày 11/3/2022, bị đơn vắng mặt không rõ lý do thuộc trường hợp hoãn phiên tòa. Phiên tòa được mở lại lần thứ hai ngày 30/3/2022, Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp:

Chị T, anh Q tìm hiểu, tiến đến hôn nhân vào năm 2015, theo lời trình bày của chị và anh Q không có đăng ký kết hôn theo quy định, phù hợp biên bản xác minh ngày 28/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã K do cán bộ Tòa án lập. Vì vậy, xác định là hôn nhân giữa chị T, anh Q là không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân:

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng giữa chị T, anh Q hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, mối quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, không còn sống chung đến nay, vợ chồng không dành sự quan tâm yêu thương lẫn nhau mà thay vào đó là dùng những lời lẽ lớn tiếng, xúc phạm, anh Q dùng bạo lực đánh đập chị T thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn hạnh phúc; chị T xác định từ thời điểm mâu thuẫn không còn sống chung, không liên lạc qua lại với anh Q đến nay. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân giữa anh chị T, anh Q không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vì vậy, cần áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, không công nhận chị T với anh Q là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Thúy L, sinh ngày 01/5/2016, đang sống cùng với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Do đó, cần ổn định cuộc sống của cháu, tiếp tục giao cháu L cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: không yêu cầu, không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí và quyền kháng cáo*: Chị Huỳnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 273; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị T. Không công nhận chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn Q là vợ chồng.

2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Thúy L, sinh ngày 01/5/2016 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: không có, nên không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009761 ngày 29/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang; chị Huỳnh Thị T đã nộp xong.

5. *Quyền kháng cáo*: Chị Huỳnh Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong